

Số: 225/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn, được lập ngày 30/03/2016, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Kiểm toán viên



Cao Thị Hồng Nga

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0613-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 30 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Hồng Nga

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1266-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>330.241.959.876</b>	<b>294.244.914.234</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>72.743.915.405</b>	<b>52.574.732.587</b>
1. Tiền	111		72.743.915.405	52.574.732.587
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>250.067.479.439</b>	<b>234.675.070.369</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	211.655.795.534	180.692.767.032
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	33.276.448.559	46.725.753.716
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.135.235.346	7.256.549.621
<b>III. Hàng tồn kho</b>	140	V.6	<b>4.963.868.038</b>	<b>5.757.916.227</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.963.868.038	5.757.916.227
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>2.466.696.994</b>	<b>1.237.195.051</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.404.597.919	921.097.476
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		62.099.075	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12		316.097.575
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>186.037.790.272</b>	<b>99.385.404.067</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>60.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	60.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>138.707.910.798</b>	<b>16.468.283.282</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	130.419.215.798	16.468.283.282
- Nguyên giá	222		309.657.585.449	130.414.996.906
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(179.238.369.651)	(113.946.713.624)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.288.695.000	-
- Nguyên giá	228		8.288.695.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>5.740.336.363</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.740.336.363	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.2	<b>2.350.000.000</b>	<b>43.660.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	41.310.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.350.000.000	2.350.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>39.179.543.111</b>	<b>39.257.120.785</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	39.179.543.111	39.257.120.785
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>516.279.750.148</b>	<b>393.630.318.301</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>277.405.703.339</b>	<b>229.444.556.956</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>246.761.703.339</b>	<b>229.444.556.956</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	131.930.444.093	131.503.981.419
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	3.979.330.864	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.667.330.779	12.767.857.844
4. Phải trả người lao động	314		22.037.114.225	15.556.617.914
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	58.507.686.287	69.023.504.062
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	4.910.972.935	408.514.214
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	8.756.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.972.824.156	184.081.503
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.644.000.000</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	30.644.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>238.874.046.809</b>	<b>164.185.761.345</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>238.874.046.809</b>	<b>164.185.761.345</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.690.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.690.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27.496.000.000	27.496.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.296.618.636	24.596.027.258
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.391.428.173	32.093.734.087
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		2.004.701.816	(49.777.851.708)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		49.386.726.357	81.871.585.795
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>516.279.750.148</b>	<b>393.630.318.301</b>

Người lập biểu



Võ Thành Tiên

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Trần Bình Nam

Tổng Giám đốc



Đàm Phan Liêm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.694.768.005.357	1.612.451.456.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.694.768.005.357	1.612.451.456.081
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.585.894.679.032	1.482.682.708.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		108.873.326.325	129.768.747.444
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	738.873.012	4.526.841.290
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.915.067.555	217.919.864
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.915.067.555	217.919.864
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	20.421.045.274	12.117.875.024
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	33.230.977.335	29.301.728.135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.045.109.173	92.658.065.711
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.713.152.054	316.369.041
12. Chi phí khác	32	VI.8	321.308.368	1.542.931.197
13. Lợi nhuận khác	40		7.391.843.686	(1.226.562.156)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.436.952.859	91.431.503.555
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	14.105.975.863	9.559.917.760
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.330.976.996	81.871.585.795
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.10	4.588	10.234

Người lập biểu



Võ Thành Tiên

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Trần Bình Nam

Tổng Giám đốc



Đạm Phan Liêm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	61.436.952.859	91.431.503.555
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.774.900.100	19.017.433.973
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.451.018.616)	(4.697.363.638)
- Chi phí lãi vay	06	1.915.067.555	217.919.864
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.675.901.898	105.969.493.754
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	23.701.816.322	5.173.802.203
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.957.392.382	(4.408.410.707)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(8.860.633.798)	(37.761.037.544)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	345.046.942	(5.119.658.020)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.296.159.222)	(317.177.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(15.347.674.952)	(1.924.204.262)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	28.264.189.584	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.995.000.000)	(13.452.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>99.444.879.156</b>	<b>61.599.355.597</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(108.134.070.170)	(24.931.589.551)
2. Tiền thu từ nhượng bán tài sản cố định	22	8.227.181.820	316.363.638
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	738.873.012	1.627.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(99.168.015.338)</b>	<b>(22.988.225.913)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	39.400.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(7.836.115.960)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.507.681.000)	(20.117.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>19.892.319.000</b>	<b>(7.856.233.460)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>20.169.182.818</b>	<b>30.754.896.224</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>52.574.732.587</b>	<b>21.819.836.363</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>72.743.915.405</b>	<b>52.574.732.587</b>

Người lập biểu



Võ Thành Tiên

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Trần Bình Nam

Tổng Giám đốc



Đàm Phan Liêm